KẾT QUẢ KINH DOANH NĂM 2023 (CTP)

CTCP Minh khang Capital Trading Public

Ngày 29/12/2023	4,500 VNĐ		
Thay đổi	*1 tháng*	*3 tháng*	*6 tháng*
	-2.2%	**0%**	**2.3%**

DT thuần *2023*
88.2 *tỷ VNĐ*
YoY: ▼29.8| -25.1%

LN thuần *2023*
0.27 *tỷ VNĐ*
YoY: ▼0.69| -72.4%

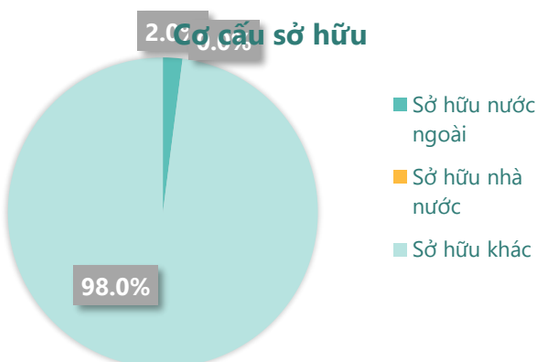
LN sau thuế *2023*
0.11 *tỷ VNĐ*
YoY: ▼0.60| -84.5%

Tỷ suất lãi EBIT *2023*
0.3%
YoY: +/-▼ 0.5%

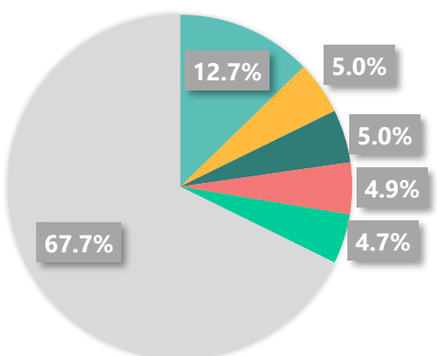
ROE *2023*
0.1%
YoY: +/-▼ 0.4%

Sàn giao dịch	HNX
Khoảng giá 52 tuần	2,800 - 5,200
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	54
Số lượng CPLH (CP)	12,099,992
KLGD BQ 20 phiên (CP)	141,810
Sở hữu nước ngoài	2.0%
Beta	1.25
EPS	19
P/E	236.9

Cơ cấu sở hữu

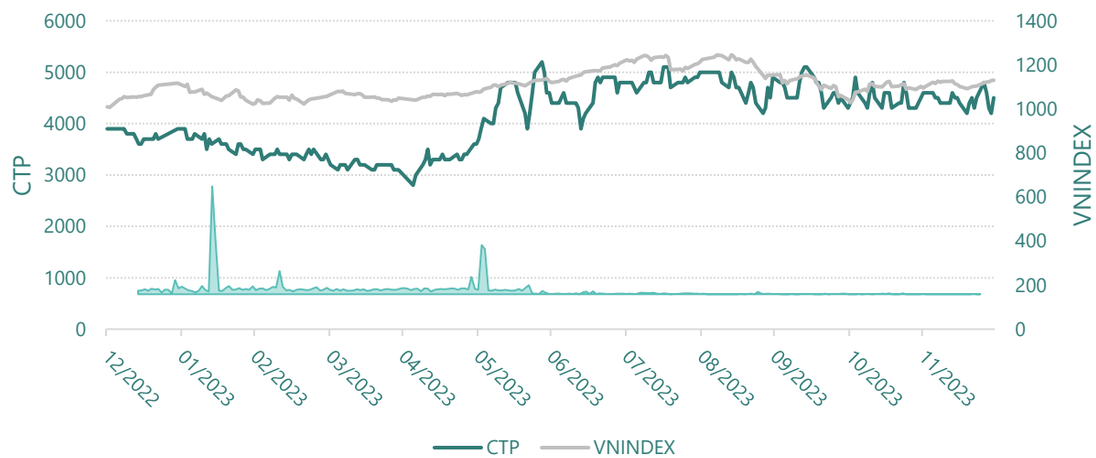


Cơ cấu cổ đông



- Nguyễn Tuấn Thành (Chủ tịch HĐQT)
- Võ Thiện Tâm
- Đinh Văn Anh Tuấn
- Lê Minh Tân
- Lê Minh Vĩnh
- Khác

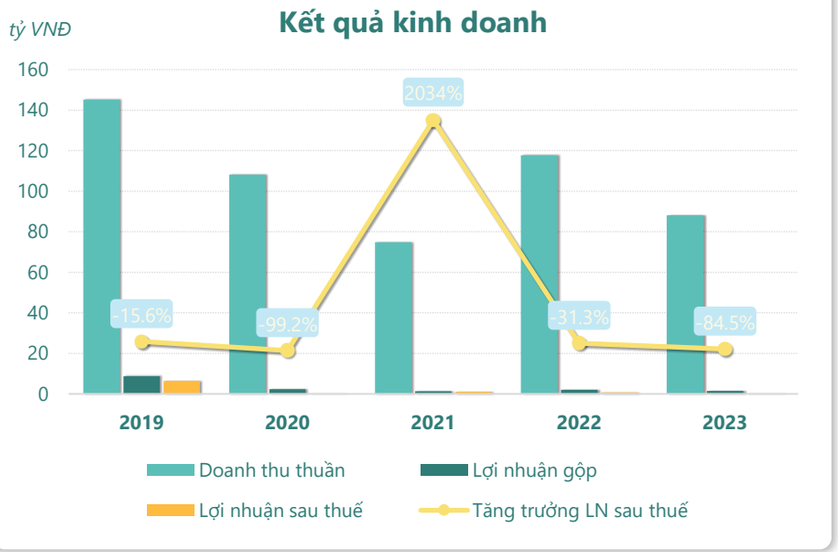
Lịch sử giá



Năm 2023, CTP ghi nhận doanh thu thuần 88.21 tỷ đồng và lợi nhuận sau thuế 0.11 tỷ đồng, lần lượt giảm 25.1% và giảm 84.5% so với năm trước.

Lợi nhuận sau thuế bằng 0 cho thấy doanh nghiệp đang gặp khó khăn trong việc tạo ra lợi nhuận hoặc đang gặp phải các thách thức tài chính.

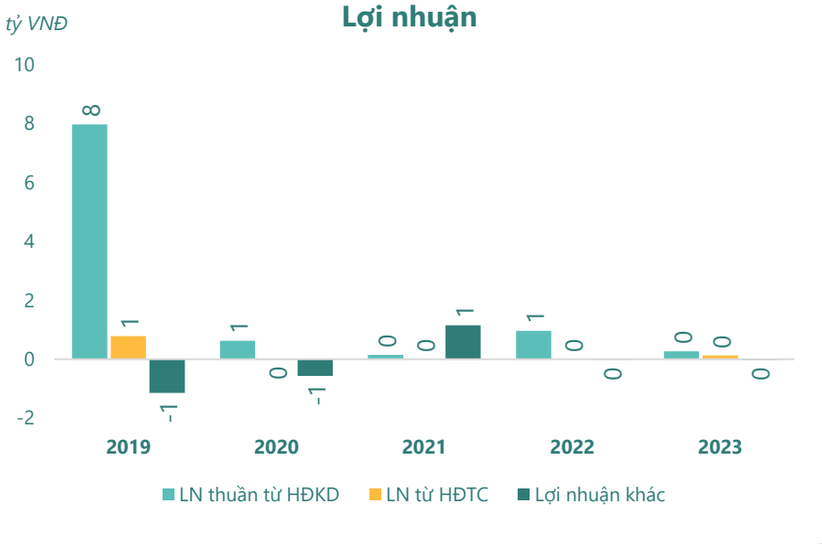
KẾT QUẢ KINH DOANH

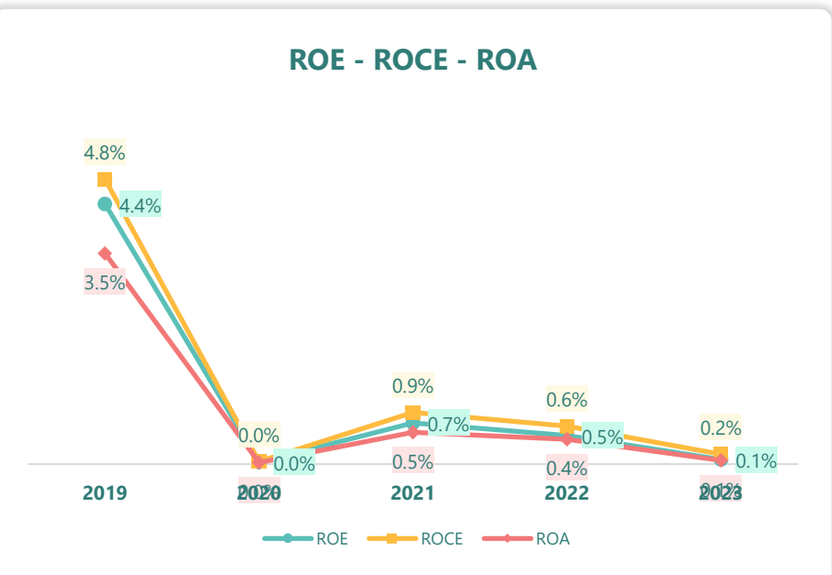


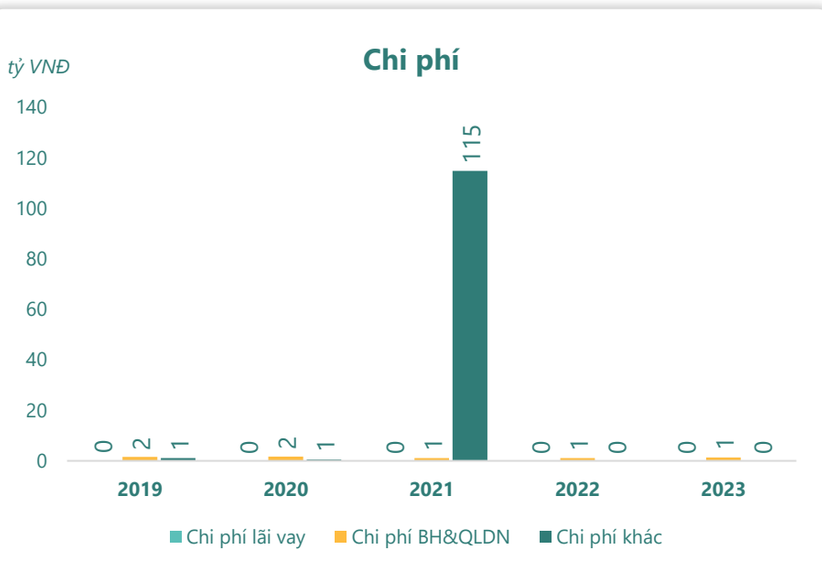
Năm 2023, CTP có lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh đạt 0.27 tỷ đồng, giảm đi 0.70 tỷ so với năm trước. Và thấp hơn mức bình quân lợi nhuận thuần 5 năm (1.99 tỷ đồng) là 1.73 tỷ đồng. Cho thấy xu hướng không tích cực từ hoạt động kinh doanh, cần điều chỉnh chiến lược để hoạt động kinh doanh phục hồi.

Chi phí lãi vay không đổi so với năm trước bằng 0.00 tỷ đồng. Nhưng chi phí bán hàng và quản lý doanh nghiệp tăng lên ở mức 1.31 tỷ đồng. Bên cạnh đó, chi phí khác bằng 0.02 tỷ đồng, tăng lên so với năm trước.

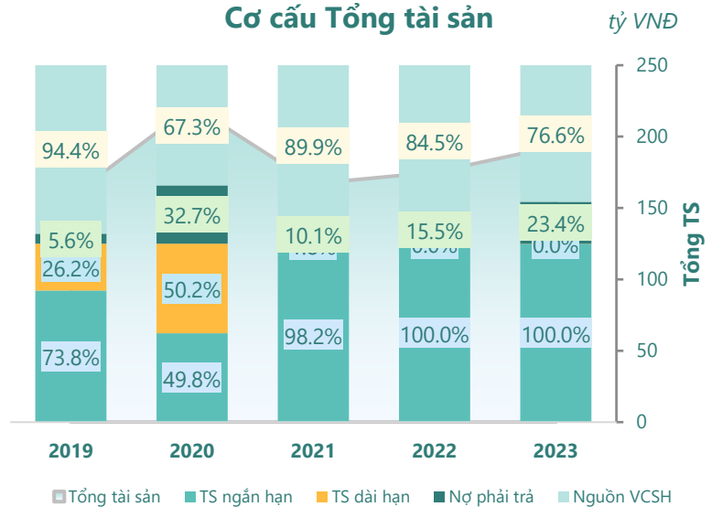
ROE của CTP năm 2023 giảm so với năm trước còn 0.07%, thấp hơn mức bình quân trong vòng 5 năm gần đây.

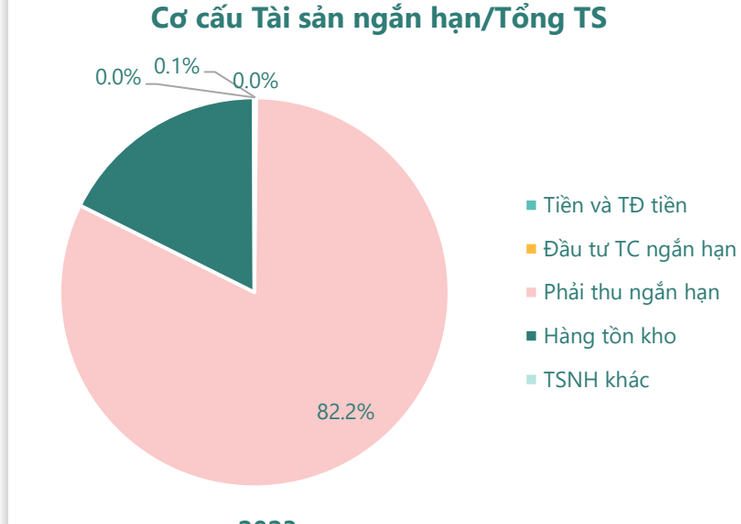


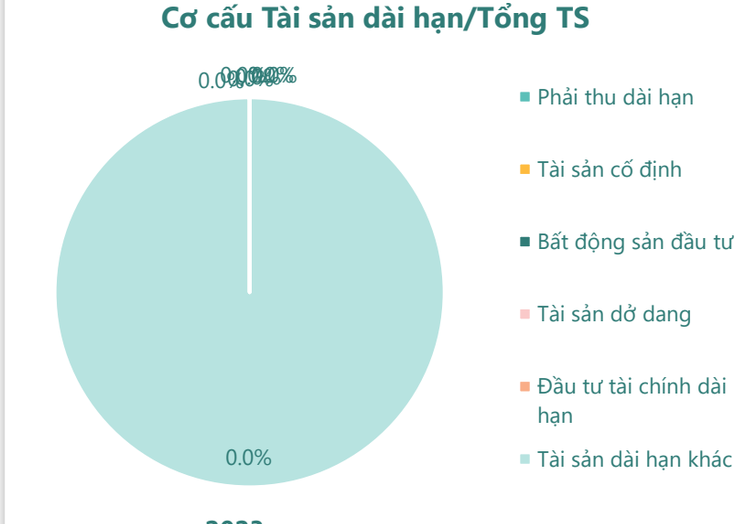




TÀI SẢN - NGUỒN VỐN







Tổng tài sản của CTP năm 2023 tăng trưởng 10.4% so với năm trước, đạt 193.3 tỷ đồng. Trong đó, tỷ trọng của tài sản ngắn hạn trong Tổng tài sản là 100.0%, lớn hơn tài sản dài hạn. Với cơ cấu Nguồn vốn, vốn chủ sở hữu chiếm tỷ trọng là 76.6%, cao hơn nợ phải trả.

Cần phân tích cụ thể sự thay đổi giá trị cũng như cơ cấu tổng tài sản những năm gần đây.

Tài sản ngắn hạn năm 2023 của CTP đạt 193.3 tỷ đồng, tăng trưởng 10.4% so với năm trước. Cùng với đó, tỷ trọng tài sản ngắn hạn tăng lên so với năm trước chiếm 100.0% tổng tài sản. Trong đó, phải thu ngắn hạn chiếm tỷ trọng lớn nhất 82.2%, tiếp đến là hàng tồn kho chiếm 17.6% trên tổng tài sản.

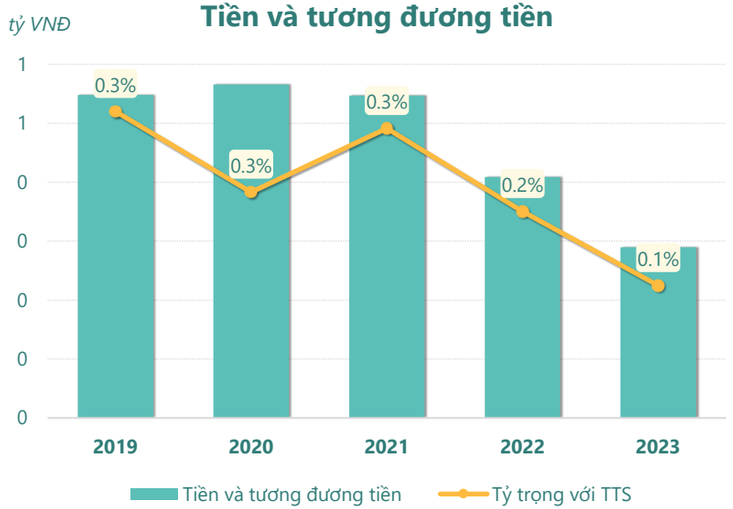
Phân tích cơ cấu tài sản ngắn hạn giúp đánh giá khả năng thanh toán ngắn hạn và mức độ cân đối trong cấu trúc tài sản.

Tài sản dài hạn đạt 0.01 tỷ đồng giảm 36.4% so với năm trước. Dẫn đến, tỷ trọng trên tổng tài sản giảm còn 0.00%. Trong đó tài sản dài hạn khác chiếm cao nhất 0.00%, sau đó là lợi thế thương mại chiếm 0.00%.

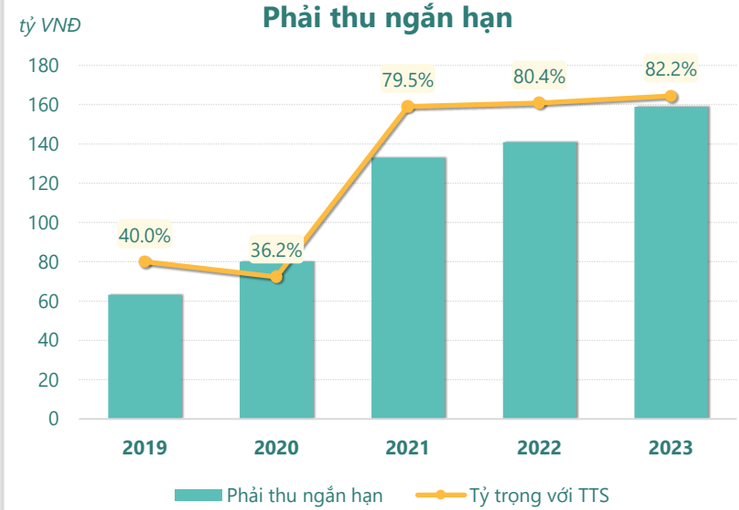
Phân tích cơ cấu tài sản dài hạn giúp đánh giá khả năng sinh lợi dài hạn, khả năng chi trả nợ dài hạn và khả năng tạo ra giá trị cho cổ đông. Cần đánh giá tổng quan với các doanh nghiệp cùng ngành để đưa ra kết luận tốt hơn.

TÀI SẢN - NGUỒN VỐN

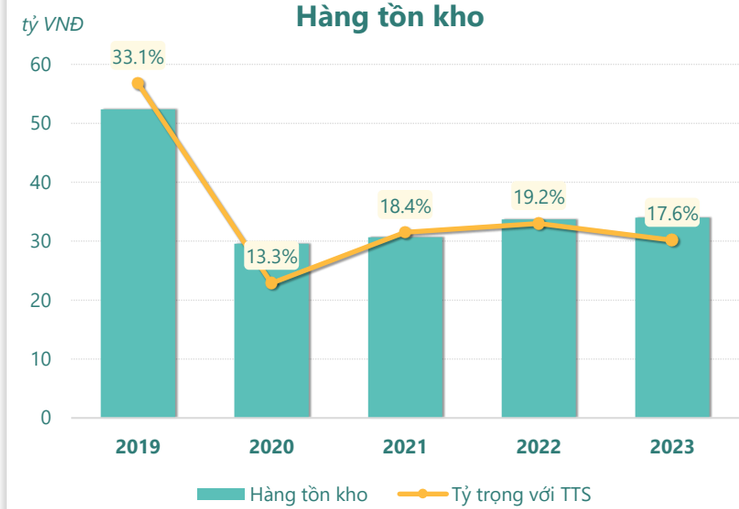
Tiền và tương đương tiền



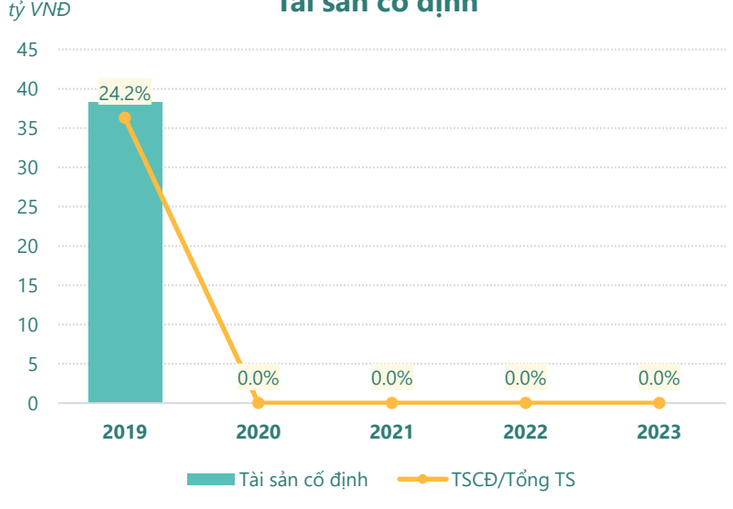
Phải thu ngắn hạn



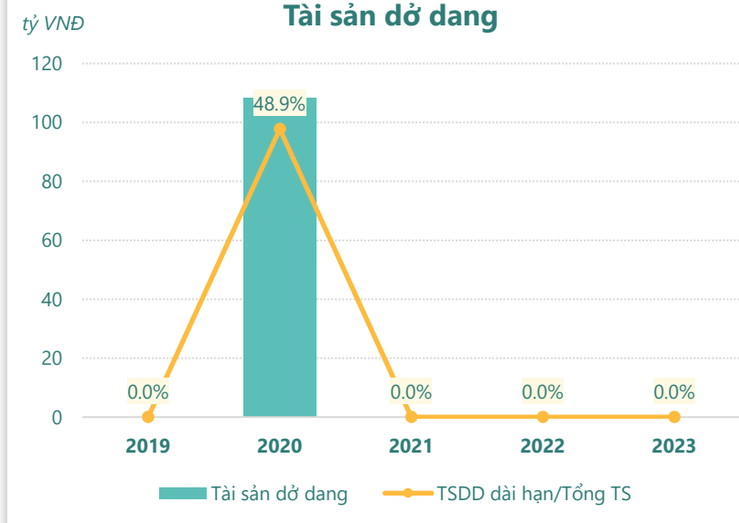
Hàng tồn kho



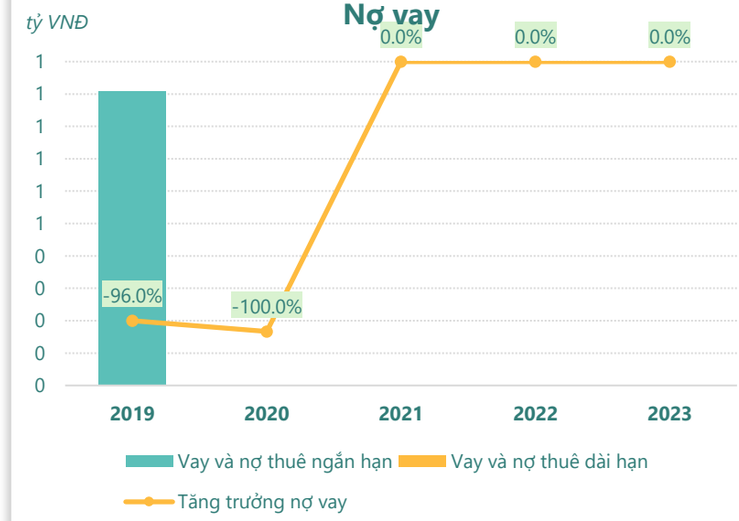
Tài sản cố định



Tài sản dở dang

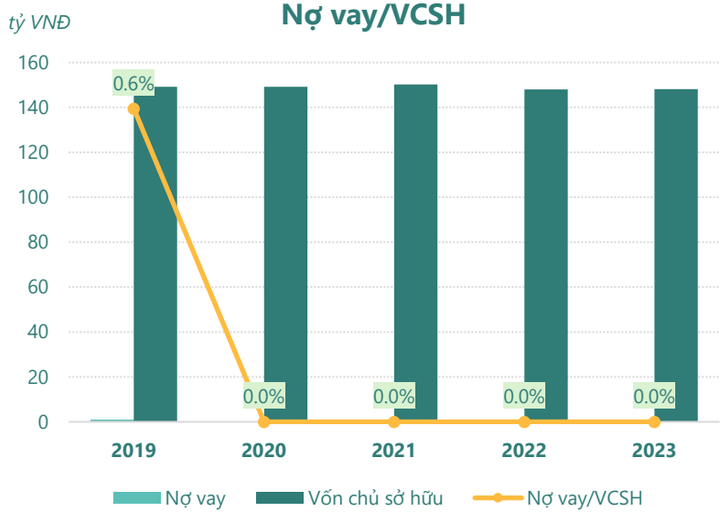


Nợ vay

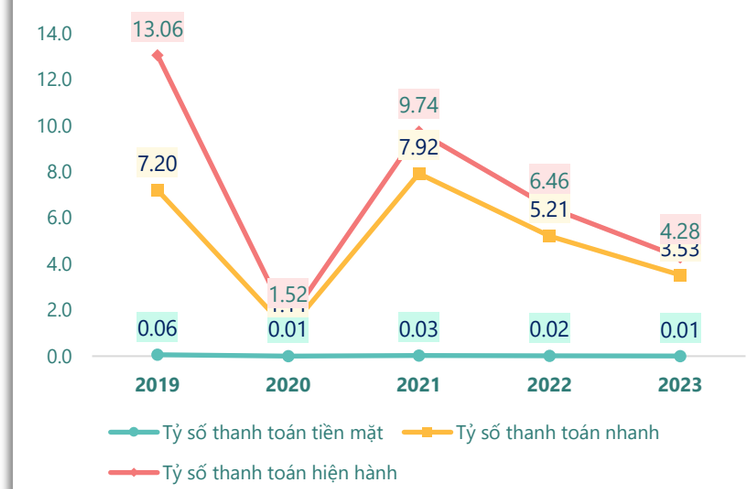


HIỆU QUẢ HOẠT ĐỘNG

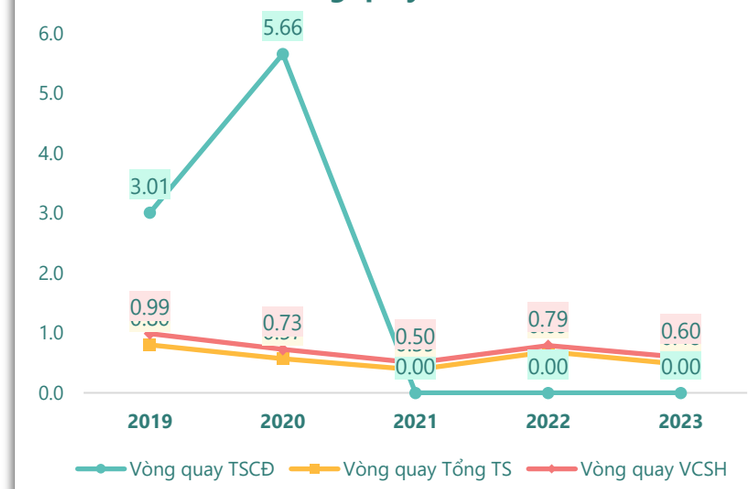
Nợ vay/VCSH



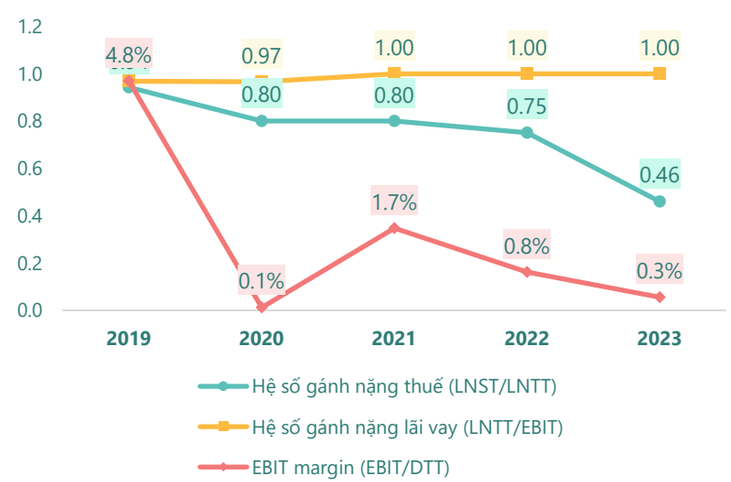
Chỉ số thanh khoản



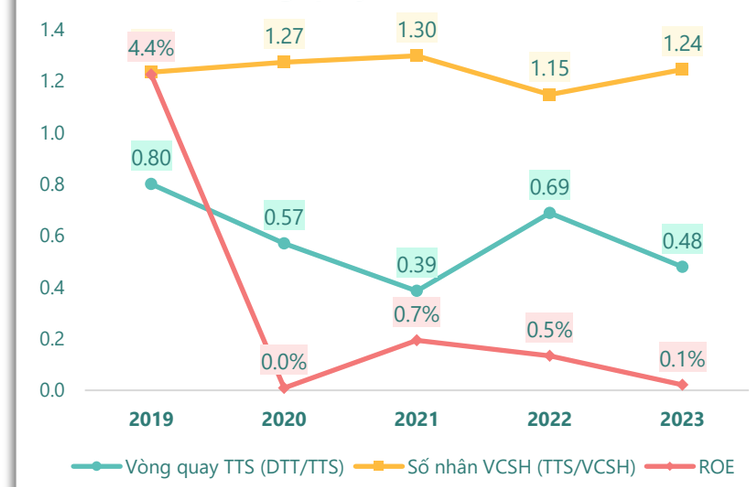
Vòng quay tài sản



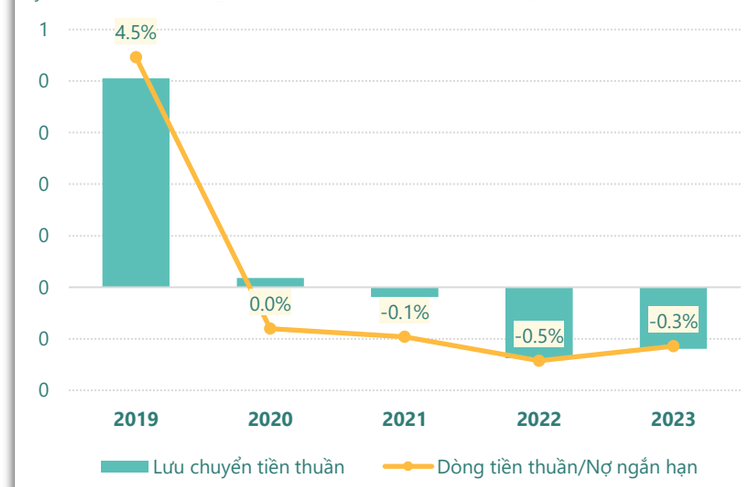
Hệ số gánh nặng thuế và lãi vay



Vòng quay tài sản và ROE



Dòng tiền thuần trên Nợ ngắn hạn



KẾT QUẢ KINH DOANH *(tỷ VNĐ)*	2020	2021	2022	2023
Doanh thu thuần	**108**	**74.9**	**118**	**88.2**
Giá vốn hàng bán	106	73.6	116	86.8
Lợi nhuận gộp	**2.34**	**1.29**	**2.04**	**1.45**
Doanh thu HĐTC	0.00	0.00	0.00	0.13
Chi phí TC	0.00	0	0	0.00
Chi phí lãi vay	**0.00**	**0**	**0**	**0**
LN trong công ty LKLD	0	0	0	0
Chi phí bán hàng	0.00	0	0	0.07
Chi phí QLDN	1.71	1.14	1.08	1.24
LN thuần từ HĐKD	**0.63**	**0.14**	**0.96**	**0.27**
Lợi nhuận khác	-0.57	1.15	-0.01	-0.02
LN trước thuế	**0.06**	**1.30**	**0.95**	**0.24**
Lợi nhuận sau thuế	**0.05**	**1.04**	**0.71**	**0.11**
LNST của CĐ cty mẹ	**0.05**	**1.04**	**0.71**	**0.11**

LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ *(tỷ VNĐ)*	2020	2021	2022	2023
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	72.7	-109	-0.14	-0.12
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	-71.8	109	0.00	0.00
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	-0.91	0	0	0
Tiền đầu kỳ	0.55	0.57	0.55	0.41
Lưu chuyển tiền thuần	**0.02**	**-0.02**	**-0.14**	**-0.12**
Ảnh hưởng tỷ giá	0	0	0	0.00
Tiền cuối kỳ	0.57	0.55	0.41	0.29

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN *(tỷ VNĐ)*	2020	2021	2022	2023
Tổng tài sản	**222**	**167**	**175**	**193**
Tài sản ngắn hạn	**110**	**164**	**175**	**193**
Tiền và tương đương tiền	0.57	0.55	0.41	0.29
Đầu tư tài chính ngắn hạn	0	0	0	0
Phải thu ngắn hạn	80.1	133	141	159
Hàng tồn kho	29.5	30.7	33.7	34.0
Tài sản ngắn hạn khác	0.02	0.03	0.15	0.09
Tài sản dài hạn	**111**	**2.92**	**0.01**	**0.01**
Phải thu dài hạn	0	0	0	0
Tài sản cố định	0	0	0	0
Bất động sản đầu tư	0	0	0	0
Tài sản dở dang	108	0	0	0
Đầu tư tài chính dài hạn	0	0	0	0
Tài sản dài hạn khác	3.02	2.92	0.01	0.01
Lợi thế thương mại	0	0	0	0
Nợ phải trả	**72.4**	**16.8**	**27.1**	**45.2**
Nợ ngắn hạn	**72.4**	**16.8**	**27.1**	**45.2**
Vay và nợ thuê ngắn hạn	0	0	0	0
Phải trả người bán ngắn hạn	67.9	12.1	22.4	40.5
Nợ dài hạn	**0**	**0**	**0**	**0**
Vay và nợ thuê dài hạn	0	0	0	0
Nguồn vốn chủ sở hữu	**149**	**150**	**148**	**148**
Vốn chủ sở hữu	**149**	**150**	**148**	**148**
Vốn điều lệ	121	121	121	121
Kinh phí và quỹ khác	**0**	**0**	**0**	**0**